

Bản án số: 31/2022/DS-PT

Ngày: 22/3/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh, ông Hà Văn Nâu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Bà Hà Thị Hải– Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2021/TLPT- DS ngày 17/11/2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H H bị kháng cáo; bản án dân sự phúc thẩm số 122/2020/DS-PT ngày 7/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị hủy theo Quyết Đ giám đốc thẩm số 58/2021/DS-GĐT ngày 14/9/2021.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 166/2021/QĐ-PT ngày 17/12/2021; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 10/QĐ-PT ngày 11/01/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 24/01/2022, Quyết Đ tạm ngừng phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 22/2/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Đào Bá L, sinh năm 1938 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đào Bá C, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn Mai Hạ; , xã Mai Đình, huyện Hiệp H, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Ong Thị Thanh – Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1969 (có mặt).

Trú tại: Thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

1. Cụ Ngô Thị N, sinh năm 1933, mẹ bà N;
2. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1966, con cụ N;
3. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1973, con cụ N;
4. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1977, con cụ N;

Cùng trú tại: Tổ 8, ấp Cây Xoài, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Đặng Văn L, sinh năm 1964, con cụ N;

Trú tại: Chùa Linh Quang, khu Đường Xá 3, phường Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Cụ Ngô Thị N; bà Đặng Thị H, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn Đ và ông Đặng Văn L đều vắng mặt và đều ủy quyền cho bà Đặng Thị N.

6. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1961, con cụ N (có mặt);

Trú tại: Thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện H H, tỉnh B.

7. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1952, vợ ông L (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà B: anh Đào Bá C, sinh năm 1977, cùng trú tại: Thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp H, tỉnh B (có mặt).

8. Anh Đào Bá C, sinh năm 1977, con của ông L, (có mặt);

Cùng trú tại: Thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp H, tỉnh B.

9. UBND huyện H H, tỉnh B, do ông Nguyễn Văn K – Phó Chủ tịch UBND huyện đại diện theo ủy quyền (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Đào Bá L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Đào Bá L do anh Đào Bá C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đặng Thị B là em ruột cụ Đặng Văn Đào. Năm 1996, vợ chồng cụ Ngô Thị N và cụ Đặng Văn Đào vào miền nam sinh sống có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đào Bá L, bà Đặng Thị B thửa đất nông nghiệp có diện tích 720m² ở xứ Đồng Chằm (hay còn gọi xứ Đồng Ấp) thuộc thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H với giá 1.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tờ mua bán và có xác nhận của ông Đặng Văn Lán là Trưởng thôn Mai Trung. Gia đình ông L đã canh tác trên diện đất này từ sau khi nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng cụ Đào. Do ông L đăng sinh sống ở thôn Mai Hạ, để thuận tiện trong việc đóng thuế đối với phần đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng cụ Đào, ông L đã mang giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) của vợ chồng cụ Đào đến UBND xã Mai Đình và đề nghị UBND xã Mai Đình làm thủ tục chuyển việc nộp thuế đối với phần diện tích đất nông nghiệp này từ thôn Mai Trung về thôn Mai Hạ. Dựa trên kết quả đề xuất của ông Ngô Huy Kim – cán bộ thuế xã Mai Đình, ngày 14/01/2003,

ông Nguyễn Xuân Quý – nguyên Chủ tịch UBND xã Mai Đình đã viết giấy thông báo có nội dung: Đề nghị ông Lê Tuấn Điều - Trưởng thôn Mai Hạ vào sổ địa chính thôn Mai Hạ phần diện tích đất nông ngh 720m² của thôn Mai Trung kể từ năm 2003.

Ngày 20/4/2004, hộ gia đình ông Đào Bá L được UBND huyện H H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ (số X 010276) với tổng diện tích đất nông ngh là 7162m² trong đó có phần diện tích ruộng mà ông L đã mua của vợ chồng cụ N, cụ Đào, (tờ bản đồ số 0, thửa số 0, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013).

Năm 2014, bà Đặng Thị N là con gái cụ Đào, cụ N đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện H H đề nghị hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện H H đã cấp cho gia đình ông L đối với phần diện tích đất 720m² nêu trên. Ngày 02/3/2016, UBND huyện H H đã ban hành Quyết Đ số 149/QĐ-UBND có nội dung: Thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số X 010276 của hộ gia đình ông L.

Không đồng ý với Quyết Đ thu hồi của UBND huyện H H, ông L đã khởi kiện vụ án hành chính sơ thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh B. Sau khi ông L được Tòa án hướng dẫn, giải thích về việc ông L phải khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp QSDĐ, ông L đã xin rút đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh B đã có Quyết Đ đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm.

Nay, ông L khởi kiện đề nghị Tòa án xác Đ thửa ruộng 720m² tại xứ đồng Chằm, thôn Mai Trung là thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông L vì: Vợ chồng ông L đã nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng cụ N, cụ Đào từ năm 1996; vợ chồng ông L đã sử dụng phần đất này đã hơn 20 năm và đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính; hộ gia đình ông L đã được UBND huyện H H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Ngoài ra ông L còn yêu cầu bà N phải bồi thường cho ông L 1200kg thóc do trong thời gian từ năm 2016- 2017, bà N có hành vi phá lúa, gặt lúa của gia đình ông L khi ông L trồng lúa tại diện tích ruộng nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L do anh Đào Bá C đại diện theo ủy quyền đã rút yêu cầu về việc buộc bà N phải bồi thường 1.200kg thóc; giữ nguyên yêu cầu Tòa án xác Đ ông L có quyền sử dụng 870m² đất nông ngh tại xứ Đồng Chằm và được sở hữu số tiền mà UBND huyện H H đền bù sau khi thu hồi đất.

Bị đơn là bà Đặng Thị N trình bày: Bà là con của cụ Đặng Văn Đào, cụ Ngô Thị N. Cụ Đào và cụ N đã sinh được 6 người con là: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1964; bà Đặng Thị H, sinh năm 1966; bà là Đặng Thị N, sinh năm 1969; bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1961; ông Đặng Văn H, sinh năm 1973, ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1977. Phần diện tích đất tranh chấp 720m² ở xứ đồng Chằm (tên gọi khác là Đồng Ấp) thuộc thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H có nguồn gốc của cụ Đào, cụ N được địa phương giao từ khoảng năm 1990. Đến cuối năm 1996, cụ Đào, cụ N đã vào Nam sinh sống nên các cụ đã giao cho bà sử dụng phần diện tích đất ruộng này. Do thửa ruộng này ở xa,

nằm giáp với cánh đồng thôn Mai Hạ và do bà có con nhỏ nên bà đã cho cô ruột của bà là bà Đặng Thị B và chồng bà B là ông Đào Bá L (ở thôn Mai Hạ) sử dụng nhưng vợ chồng bà B phải trả sản cho bà. Bà cho Vợ chồng ông L, bà B sử dụng ruộng từ năm 1997, năm 2009 bà đã yêu cầu vợ chồng ông L phải trả lại ruộng cho bà nhưng vợ chồng ông L đã không đồng ý vì lý do vợ chồng ông L đã được UBND huyện H H đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất ruộng này. Cụ N đã về địa phương đến gặp ông L để giải quyết tình cảm nhưng không có kết quả. Sau đó cụ N đã ủy quyền cho bà làm đơn khiếu nại đến UBND huyện H H. UBND huyện H H đã có Quyết Đ thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông L đối với phần đất ruộng có diện tích 720m² của gia đình bà ở xứ Đồng Chằm. Nay, ông L không đồng ý trả lại ruộng cho gia đình bà vì lý do cụ Đào, cụ N đã bán ruộng cho vợ chồng ông L là không đúng. Bà xác Đ gia đình bà không bán phần diện tích ruộng này cho gia đình ông L mà chỉ cho vợ chồng ông L sử dụng ruộng và vợ chồng ông L phải trả sản cho gia đình bà. Khi nào gia đình bà cần sử dụng ruộng thì vợ chồng ông L phải trả lại ruộng cho gia đình bà. Hơn nữa, hàng năm gia đình bà vẫn đóng thuế phần diện tích ruộng này nên thửa ruộng tranh chấp này vẫn thuộc quyền sử dụng của cụ N và các anh em trong gia đình bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

+ **Anh Đào Bá C**, (con ông L), bà Đặng Thị B (vợ ông L) do anh C đại diện thống nhất với ý kiến trình bày của ông L.

+ **Cụ Ngô Thị N; các con của cụ N là bà Đặng Thị H, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn Đ và bà Đặng Thị Đ; ông Đặng Văn L** do bà N đại diện theo ủy quyền đều trình bày: Năm 1992, hộ gia đình cụ Đào, cụ N đã được Nhà nước giao 5.808m² đất ruộng (chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ) trong đó có thửa đất có diện tích 720m² ở xứ Đồng Chằm. Năm 1996, vợ chồng cụ N cùng các con là bà H, ông H, ông Đ vào miền Nam sinh sống nên đã giao toàn bộ diện tích ruộng của gia đình cho bà N quản lý. Do thửa 720m² ở xứ Đồng Chằm ở xa nhà bà N, bà N lại có con nhỏ không có điều kiện canh tác. Do vợ chồng bà B, ông L có nhu cầu canh tác nên gia đình đã cho vợ chồng bà B, ông L sử dụng ruộng nhưng phải trả sản cho gia đình cụ N từ năm 1997. Vợ chồng bà B đã trả cho gia đình cụ N được tổng số tiền là 1.000.000đ cụ thể là: Tháng 10/1997 trả 500.000đ; năm 1999 trả 500.000đ. Hàng năm bà N vẫn đóng thuế đối với toàn bộ phần diện tích ruộng của gia đình cụ N gồm có thửa ruộng này. Nay, ông L cho rằng cụ N đã bán cho vợ chồng ông L phần đất ruộng này là không đúng.

UBND huyện H H do ông Nguyễn Văn K là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L và hộ bà N là diện tích đất nông ngh nằm trong phần diện tích đất mà Nhà nước đã có Quyết Đ thu hồi để thực hiện dự án khu Công ngh H Phú. Tại Quyết Đ số 2121/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện H H thể hiện, diện tích đất thu hồi của hộ bà N là 870m², phần đất này gồm 3

thửa liền kề nhau cụ thể là: Thửa số 10 diện tích 281,4m²; thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m². Nhà nước đã bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi 870m² là 192.464.000đ. Hiện nay do có tranh chấp về QSDĐ giữa ông L với bà N nên toàn bộ số tiền bồi thường này Đg được UBND huyện H H gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện H H. UBND huyện H H sẽ thực hiện việc chi trả cho chủ sử dụng đất sau khi có quyết Đ của Tòa án giải quyết về tranh chấp QSDĐ.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H H đã áp dụng các Điều 26, 147, 149, 227, 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai (2013); Điều 688 Bộ luật dân sự (năm 2005); Điều 8 Bộ luật dân sự (năm 2015); Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đào Bá L về việc yêu cầu bà Đặng Thị N bồi thường 1.200kg thóc.

Bác yêu cầu của ông Đào Bá L về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 870m² đất nông nghH tại xứ Đồng Chằm (tên gọi khác Đồng Ấp), thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H (bao gồm các thửa: Thửa số 10 diện tích 281,4m² thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m² thuộc tờ bản đồ 94 thuộc thôn Mai Trung, xã Mai Đình).

Xác nhận quyền sử dụng đối với 870m² đất nông nghH nêu trên, đã bị thu hồi theo Quyết Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghH H Phú, huyện H H, tỉnh B (tại thôn Mai Trung, xã Mai Đình - đợt 4) số 2122a/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện H H, tỉnh B thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình cụ Ngô Thị N. Giao cho hộ gia đình cụ Ngô Thị N được nhận và sở hữu số, tiền bồi thường, hỗ trợ do bị thu hồi đất là 192.464.000đ (một trăm chín mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

- Về án phí DSST: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Bá L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2020, ông Đào Bá L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 122/2020/DS-PT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H H, không chấp nhận kháng cáo của ông L.

Ngày 16/6/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết Đ kháng nghị số 26/2021/KN-DS đối với bản án dân sự phúc thẩm số 122/2020/DS-PT ngày

07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B, đề nghị Ủy ban thẩm phán cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết Đ giám đốc thẩm số 58/2021/DS-GĐT ngày 14/9/2021, Ủy ban thẩm phán cấp cao tại Hà Nội đã hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 122/2020/DS-PT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B. Tòa án nhân dân tỉnh B đã thụ lý vụ án để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/2/2022:

Nguyên đơn là bà ông Đào Bá L (do anh Đào Bá C đại diện theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Đào Bá C và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L trình bày: Việc chuyển nhượng đất của vợ chồng cụ Đào cho ông L được 1 số người làm chứng xác nhận như: Ông Ngô Huy Kim (cán bộ thuế xã Mai Đình); ông Ngô Đăng Thảo; ông Lê Tuấn Điều; ông Nguyễn Duy Hoi (Ban quản lý thôn Mai Hạ); ông Hoàng Văn Đạt và ông Đặng Văn Lán nguyên trưởng thôn Mai Hạ năm 1995-2001 và bí thư chi bộ thôn Mai Hạ năm 2001-2005.

Tại Thông báo của UBND xã Mai Đình ngày 14/01/2003 có nội dung: “*Căn cứ đơn của bà N bán cho bà B 720m² ruộng từ năm 2003*”; Sổ thuế của UBND xã Mai Đình đã thu thuế của ông L đối với phần đất này từ năm 2003; Giấy biên nhận thanh toán của thôn Mai Hạ có nội dung xác nhận của ông Lê Tuấn Điều - nguyên trưởng thôn có nội dung: “*Căn cứ vào giấy chuyển nhượng của gia đình cụ N cho ông L 720m² ở xứ đồng Ấp. Diện tích này được thôn Mai Trung và UBND xã Mai Đình và địa chính xác nhận*”.

Bà N trình bày có đóng thuế đối với diện tích đất trên nhưng các hóa đơn nộp thuế nông ngH của bà N là các hóa đơn bán lẻ, không đúng mẫu. Mặt khác, sau năm 2002 thì Nhà nước đã cho miễn nộp thuế đối với đất nông ngH. Việc bà N đã trình bày là bà N đã nộp thuế đối với phần đất ruộng này là không có căn cứ. Cùng thời điểm chuyển vào miền Nam sinh sống, gia đình ông Đào, bà N đã chuyển nhượng nhiều thửa ruộng của gia đình cho một số hộ khác, trong đó chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Vân – sinh năm 1959, thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện H H, tỉnh B khoảng 3 sào 5 thước (1.200m²) với giá 2.000.000 đồng. Ngoài ông Vân thì gia đình bà N cũng chuyển nhượng cho một số hộ khác nhưng không nhớ cụ thể. Tòa án nhân dân huyện H H không đánh giá khách quan toàn bộ các tài liệu, chứng cứ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, công nhận 870m² đất nông ngH tại xứ Đồng Châm (tên gọi khác Đồng Ấp), thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L và bà B; ông L và bà B được hưởng số tiền đền bù

khi Nhà nước thu hồi diện tích đất trên, nếu ai đã nhận số tiền đền bù thì buộc người đó phải trả lại cho ông L và bà B.

Bà Đặng Thị N và bà Đặng Thị Đ thống nhất trình bày: Các bà không đồng ý với ý kiến của anh C và Luật sư. Ông L đã trình bày đã nhận chuyển nhượng đất ruộng của cụ N, cụ Đào nhưng không xuất trình được giấy chuyển nhượng đất của cụ N. Năm 1996, gia đình bà có thống nhất giao cho bà N toàn quyền sử dụng diện tích đất Đg tranh chấp. Do gia đình ông L có nhu cầu nên bà N đồng ý cho thuê không ân Đ thời gian phải trả. Tháng 5 năm 1997, anh C có trả cho ông Đặng Văn Đ (em trai bà) 500.000 đồng. Tháng 10 năm 1997, anh C có đưa cho bà N tiền 500.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng là tiền thuê khoán chứ không phải tiền chuyển nhượng. Nhận Đ của Quyết Đ giám đốc thẩm số 58/2021/DS-GĐT ngày 14/9/2021 là không đúng. Từ năm 2010, bà N đã làm đơn đề nghị UBND xã Mai Đình giải quyết tranh chấp. Các bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H H. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh B ban hành bản án dân sự phúc thẩm số 122/2020/DS-PT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B, UBND huyện H H đã làm thủ tục thanh toán cho bà N toàn bộ số tiền L quan đến việc đền bù 870m² đất nông nghiệp nêu trên. Bà đã nhận số tiền đền bù là 192.464.000đ (một trăm chín mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng) do UBND huyện H H chi trả. Khi chuyển vào miền Nam sinh sống vào năm 1996, cụ N và cụ Đào có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Vân 3 sào 5 thước ruộng (1.200m²) với giá 3.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập xác minh thêm tài liệu chứng cứ về việc UBND huyện H H chi trả tiền bồi thường cho bà N và lấy lời khai người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc Vân. Hội đồng xét xử quyết Đ tạm ngừng phiên tòa.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/2/2022, ông Nguyễn Ngọc Vân trình bày: Năm 1996, cụ Đào và cụ N có bán cho gia đình ông 3 sào 5 thước ruộng (1.200m²) ở khu đồng Quan, Bãi Cạn, Đuôi Lươn với giá 2.000.000 đồng. Gia đình ông đã thanh toán số tiền trên cho gia đình ông Đào và nhận ruộng từ năm 1996 đến nay. Ông có biết việc ông Đào, bà N chuyển nhượng cho gia đình ông Đào Bá L. Giá chuyển nhượng 720m² với giá 1.000.000 đồng thời điểm đó là phù hợp. Diện tích mà gia đình ông mua ở vị trí đẹp hơn vị trí đất ông L mua. Ngoài ra, ông Vân còn cung cấp bản giao giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất canh tác năm 1996 do cụ Đặng Văn Đào L. Ông Vân xin vắng mặt tại phiên tòa.

UBND huyện H H cung cấp tài liệu L quan đến việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa số 10 diện tích 281,4m², thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m² thuộc tờ bản đồ 94 (tổng số 870m²) thuộc thôn Mai Trung,

xã Mai Đình, huyện H H, tỉnh B. Tại Biên bản ngày 25/1/2021, bà Đặng Thị N đã nhận tổng số tiền 192.464.000 đồng tiền bồi thường đối với toàn bộ diện tích đất trên.

Tại Công văn số 170/CV-THADS ngày 08/3/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện H H đã cung cấp: qua rà soát sổ thụ lý và sổ tiếp nhận bản án, yêu cầu thi hành án thì Chi cục chưa tiếp nhận và tổ chức thi hành án đối với bản án số 122/2020/DSPT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B và Bản án số 55/2020/DSST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/3/2022:

Anh Đào Bá C và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L không có ý kiến gì về các tài liệu Tòa án đã thu thập bổ sung, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông L và quan điểm đã trình bày.

Bà Đặng Thị N và bà Đặng Thị Đ không nhất trí với lời khai của ông Nguyễn Ngọc Vân, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Đào Bá L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DSST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H H theo hướng:

Công nhận diện tích 870m² đất nông nghiệp tại xứ Đồng Chằm (tên gọi khác Đồng Ấp), thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H (bao gồm các thửa: Thửa số 10 diện tích 281,4m² thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m² thuộc tờ bản đồ 94 thuộc thôn Mai Trung, xã Mai Đình) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đào Bá L và bà Đặng Thị B. Ông Đào Bá L và bà Đặng Thị B được sở hữu 192.464.000đ (một trăm chín mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng) bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp H H Phú, huyện H H, tỉnh B, (tại thôn Mai Trung, xã Mai Đình - đợt 4) số 2122a/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện H H, tỉnh B. Buộc bà Đặng Thị N phải hoàn trả ông Đào Bá L, bà Đặng Thị B số 192.464.000đ (một trăm chín mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng) đã nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị N phải chịu 9.923.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện UBND huyện H H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác đều có đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy Đ tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn là ông Đào Bá L thì thấy:

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác Đ thửa đất nông ngH có diện tích 720m² tại Đồng Chằm, thuộc thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H (khi Nhà nước tiến hành đo đạc lại diện tích ruộng để thực hiện việc thu hồi đất thì thửa ruộng này có diện tích thực tế là 870m² và gồm có 3 thửa: thửa số 10 diện tích 281,4m²; thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m² là của hộ gia đình cụ Đào (chết năm 1997), cụ N và các thành viên khác trong hộ gia đình là bà H, ông H, ông Đ, bà Đ, ông L, bà N.

Các đương sự gồm vợ chồng ông Đào Bá L, bà Đặng Thị B và anh Đào Bá C là con của ông L, bà B đều trình bày: Năm 1996, do quyết Đ chuyển vào miền Nam sinh sống, cụ N, cụ Đào đã chuyển nhượng thửa ruộng trên cho vợ chồng cụ Đào Bá L với số tiền 1.000.000đ. Đến ngày 25/4/2000, hai bên đã L giấy chuyển nhượng có chữ ký của bên bán là cụ N, bên mua là bà B và có xác nhận của Trưởng thôn (ông Đặng Văn Lán). Sau đó gia đình ông L đã làm các thủ tục tại địa phương để ông L được chuyển nộp thuế thửa ruộng này từ thôn Mai Trung về thôn Mai Hạ. Năm 2004, ông L được UBND huyện H H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất nông ngH này. Mặc dù ông L không xuất trình được văn bản thể hiện nội dung cụ N đã chuyển nhượng phần đất ruộng Đg tranh chấp này cho gia đình ông nhưng có ông Hoàng Văn Đạt (nguyên cán bộ địa chính xã Mai Đình) là người trực tiếp thu lệ phí chuyển quyền sử dụng đất và ghi vào sổ thu thuế của xã về việc chuyển nhượng đất ruộng giữa hai hộ. Tại thông báo ngày 14/01/2003 (do ông Nguyễn Xuân Quý – nguyên Chủ tịch UBND xã Mai Đình ký, đóng dấu) cũng thể hiện nội dung chuyển nhượng đất ruộng giữa cụ Đào, cụ N với gia đình ông L. Gia đình ông L đã đưa đủ số tiền nhận chuyển nhượng ruộng là 1.000.000 đồng cho gia đình bà N.

Bà Đặng Thị N là đại diện theo ủy quyền của cụ N và các anh chị em của bà N thì cho rằng gia đình bà chỉ cho ông L, bà B thuê khoán ruộng không xác Đ thời hạn với số tiền 1.000.000 đồng chứ không phải chuyển nhượng.

Như vậy, tuy lời khai có nhiều mâu thuẫn nhưng các bên đều thừa nhận có việc nhận tiền và giao 720m² đất ruộng tại Đồng Chằm, thuộc thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H cho nhau. Trên thực tế, gia đình cụ Đào, cụ N và bà N không trực tiếp canh

tác diện tích đất nông nghiệp trên từ năm 1996 cho đến năm 2011 mới phát sinh tranh chấp; khi vào miền Nam sinh sống, do không có nhu cầu sử dụng đất, cụ Đào và cụ N đã chuyển nhượng nhiều diện tích đất khác cho nhiều người.

Ông Nguyễn Văn Vân là một trong những người nhận chuyển nhượng cùng thời điểm năm 1996 xác nhận cụ Đào, cụ N có chuyển nhượng đất canh tác cho gia đình cụ Đào Bá L; giá chuyển nhượng 1.000.000 đồng là phù hợp với vị trí, diện tích đất canh tác mà gia đình ông Vân nhận chuyển nhượng của cụ Đào. Mặt khác, bà N là người sinh sống tại địa phương, làm trưởng thôn nhưng bà N không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất của gia đình mình trong khi vợ chồng cụ L là người trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp, đóng thuế đất hàng năm và đăng ký kê khai vào sổ địa chính.

Người làm chứng là ông Lê Tuấn Điều (nguyên trưởng thôn Mai Hạ) có xác nhận việc cụ B đưa cho ông xem giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các cụ, ông có hướng dẫn cụ B nộp tại UBND xã và nộp vào sổ địa chính.

Tại thông báo của UBND xã Mai Đình ngày 14/01/2002 gửi Ban quản lý thôn Mai Trung thể hiện nội dung: *“Căn cứ đơn đề nghị của bà Ngô Thị N là công dân thôn Mai Trung có đề nghị cho (bán) em đi lấy chồng về Mai Hạ là bà Đặng Thị B. Đã được BQL thôn chứng nhận ngày 25/4/2000. (do ông Lán là trưởng thôn chứng nhận) số diện tích 720m² thuộc xứ đồng Ấp.....nay chuyển về Hộ ông Đào Bá L là công dân thôn Mai Hạ. Vậy thông báo để các ông làm được và cắt phần diện tích trên của bà N về bà Đặng Thị B trên sổ địa chính từ năm 2003”*. Văn bản này có chữ ký của ông Ngô Huy Kiên (là cán bộ thuế xã) và chữ ký của ông Nguyễn Xuân Quý (là Chủ tịch xã), có đóng dấu của UBND xã từ năm 2002 (thời điểm chưa xảy ra tranh chấp) nên có giá trị ghi nhận về việc chuyển nhượng giữa các bên. Giấy biên nhận thanh toán ngày 06/01/2003 thể hiện có việc chuyển nhượng đất giữa gia đình cụ N với gia đình cụ B, cụ L do thôn thống kê và xác nhận: *“Căn cứ vào giấy của địa chính xã Mai Đình giao cho Hộ ông L, nay BQL thôn Mai Hạ tiếp tục thu thuế diện tích trên”*. Ngày 14/01/2003, UBND xã Mai Đình có Thông báo và đề nghị Ban quản lý thôn Mai Hạ và Sổ địa chính cho hộ cụ Đào Bá L (chủ hộ) số diện tích 720m² đất ruộng hiện đang tranh chấp. Quá trình sử dụng, cụ L đã chia diện tích 720m² đất ruộng thành 3 thửa giao cho các con canh tác, tôn tạo mở rộng thêm diện tích. Khi Nhà nước L bản đồ thu hồi đất mới thể hiện thành 03 thửa (thửa số 10 diện tích 281,4m²; thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m²) diện tích 870m² như hiện nay.

Từ những nhận xét, đánh giá trên, đủ căn cứ xác định 870m² tại xứ Đồng Chằm, thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H, tỉnh B thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Đào Bá L và cụ Đặng Thị B, phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Theo Quyết định số 2121/QĐ-UBND và 2122a/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện H H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước

thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp H Phú, huyện H H, phần diện tích đất tranh chấp 870m² tại xứ Đồng Chằm, thôn Mai Trung đã bị thu hồi và được đền bù số tiền 192.464.000đ cho chủ sử dụng đất. Ông Đào Bá L và bà Đặng Thị B là chủ sử dụng đất hợp pháp của thửa đất trên nên được nhận và sở hữu số tiền đền bù là 192.464.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đào Bá L là không đúng. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích.

Theo biên bản ngày 25/1/2021 do UBND huyện H H cung cấp và lời khai của bà Đặng Thị N tại phiên tòa phúc thẩm, bà N là người trực tiếp nhận số tiền đền bù do thu hồi 870m² tại xứ Đồng Chằm, thôn Mai Trung nói trên. Do vậy, cần buộc bà N phải hoàn trả ông L, bà B số tiền 192.464.000đ đã nhận. Bà N khai đã giao số tiền 192.464.000đ trên cho cụ N nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Nếu bà N có tranh chấp với cụ N về số tiền trên thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng vụ án khác.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và danh mục kèm theo Nghị quyết, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền cụ thể là:

- Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn được chấp nhận. Nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí.

- Bị đơn phải hoàn trả nguyên đơn số tiền 192.464.000đ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 192.464.000\text{đ} = 9.623.200$ đồng

Do vậy, tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là : 9.923.200 đồng.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Đào Bá L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2020/DSST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H H.

Áp dụng các Điều 26, Điều 147, Điều 149, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 8 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đào Bá L về việc buộc bà Đặng Thị N bồi thường 1.200kg thóc.

2. Công nhận ông Đào Bá L và bà Đặng Thị Bảy là người sử dụng đất hợp pháp đối với 870m² đất nông nghH tại xứ Đồng Chằm (tên gọi khác Đồng Ấp), thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H (bao gồm các thửa: Thửa số 10 diện tích 281,4m² thửa 13 diện tích 263,6m² và thửa 17 diện tích 325m² thuộc tờ bản đồ 94 tại thôn Mai Trung, xã Mai Đình, huyện H H, tỉnh B đã bị thu hồi theo Quyết Đ số 2121/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện H H, tỉnh B.

Ông Đào Bá L và bà Đặng Thị Bảy được nhận và sở hữu 192.464.000đ đền bù theo Quyết Đ số 2122a/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện H H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghH H Phú, huyện H H, tỉnh B.

Buộc bà Đặng Thị N phải hoàn trả ông Đào Bá L và bà Đặng Thị Bảy số tiền 192.464.000đ .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết Đ thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị N phải chịu 9.923.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Bá L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Toà án nhân dân huyện H H;
- Chi cục THADS huyện H H;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang

